

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG NINH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 126/BC-TA

Quảng Ninh, ngày 01 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO
CÔNG TÁC TÒA ÁN NĂM 2016
TẠI KỲ HỌP THỨ 3 HĐND HUYỆN QUẢNG NINH
KHÓA XIX, NHIỆM KỲ 2016-2021

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC XÉT XỬ, GIẢI QUYẾT CÁC LOẠI VỤ VIỆC, CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ VÀ CÁC MẶT CÔNG TÁC KHÁC

1. Tình hình, kết quả công tác xét xử, giải quyết các loại vụ việc

1.1. Tình hình chung

- Kết quả thụ lý xét xử, giải quyết sơ thẩm các vụ án hình sự, hành chính, các vụ việc dân sự (các tranh chấp: Án dân sự, án hôn nhân và gia đình, án kinh doanh thương mại, án lao động; các yêu cầu giải quyết: Việc dân sự):

+ Số vụ, việc thụ lý trong mốc báo cáo (từ 01-12-2015 đến 30-11-2016): 125 vụ, việc; bao gồm: Án hình sự 19 vụ/22 bị cáo, vụ việc dân sự 106 (trong đó: Án dân sự 9 vụ, án hôn nhân và gia đình 93 vụ, án kinh doanh thương mại 0, án lao động 1 vụ, việc dân sự 3), án hành chính 0. Số cũ chuyển sang 23 vụ (bao gồm: Án dân sự 4 vụ, án hôn nhân và gia đình 16 vụ, án lao động 2 vụ, án hành chính 1 vụ). Tổng số vụ việc phải giải quyết: 148.

+ Kết quả giải quyết 128 vụ, việc, đạt tỷ lệ chung là 86,5%. Trong đó: Xét xử 31 vụ, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự 60 vụ, đình chỉ 28 vụ, tạm đình chỉ 7 vụ, quyết định giải quyết việc dân sự 2. Án có kháng cáo 3 vụ, kết quả xét xử phúc thẩm: Sửa án sơ thẩm 1 vụ/1 bị cáo, đình chỉ xét xử 1 vụ/1 bị cáo, chưa xét xử 1 vụ/1 bị cáo.

+ Số còn lại đang giải quyết trong thời hạn luật định: 20 vụ.

- Kết quả thụ lý giải quyết sơ thẩm việc khác:

+ Việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự khoản thu nộp ngân sách Nhà nước về án phí, tiền phạt, tịch thu sung quỹ Nhà nước: 2 trường hợp, với số tiền 8.600.000đồng.

+ Việc áp dụng các biện pháp xử lý hành chính (quyết định áp dụng các biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc); xử lý vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền Toà án quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính: 0.

1.2. Kết quả xét xử, giải quyết các loại án, vụ việc dân sự

1.2.1. Án hình sự

- Số án phải giải quyết: 19 vụ/22 bị cáo. Đã xét xử: 16 vụ/19 bị cáo, đạt tỷ lệ 84,2%. Số án chưa xét xử: 3 vụ/3 bị cáo, đang trong thời hạn chuẩn bị xét xử.

Qua việc thụ lý, xét xử án hình sự cho thấy án hình sự tuy giảm về số lượng (giảm 17 vụ/36 bị cáo so với năm 2015) nhưng tình hình tội phạm vẫn còn diễn biến phức tạp, tội phạm xâm phạm sở hữu mang tính phổ biến (phần lớn là “Tội trộm cắp tài sản”), “Tội vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” chưa giảm; tội phạm về ma túy (3 vụ) có dấu hiệu tăng, tính chất vụ án có xu hướng nghiêm trọng hơn như vụ Nguyễn Thị Mười “Mua bán trái phép chất ma túy” (đã bán 25 viên, thu giữ tại nhà 75 viên ma túy tổng hợp, bị xử phạt 8 năm tù), vụ Nguyễn Xuân Huyền vận chuyển trái phép 55 viên ma túy tổng hợp (vụ án đang chuẩn bị đưa ra xét xử). Về tội phạm là người chưa thành niên: 3 vụ/3 bị cáo, chiếm tỷ lệ 15,7%; là phụ nữ: 1 vụ/1 bị cáo, chiếm tỷ lệ 5,3%. Về tái phạm: Có 4 trường hợp, chiếm tỷ lệ 21% số bị cáo đã xét xử (không có trường hợp nào cho hưởng án treo mà tái phạm).

Về chất lượng xét xử án hình sự: Đảm bảo nghiêm minh, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không để có trường hợp xét xử oan sai hoặc bỏ lọt tội phạm.

- Tình hình xét xử các vụ án trọng điểm, nghiêm trọng, các vụ án được dư luận quan tâm: Tổ chức xét xử kịp thời án trọng điểm 4 vụ/5 bị cáo, đưa đi xét xử lưu động án hình sự 7 vụ/9 bị cáo, góp phần tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức chấp hành pháp luật ở địa phương.

1.2.2. Án dân sự

Số án phải giải quyết: 13 vụ (tăng 6 vụ so với năm 2015). Đã giải quyết: 10 vụ, tỷ lệ giải quyết xong là 76,9%. Số vụ việc chưa giải quyết xong: 3 vụ, đang trong thời hạn giải quyết.

Các tranh chấp về dân sự chủ yếu là về quyền sử dụng đất (về ranh giới, về hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất), đòi nợ vay, đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Tranh chấp đất đai với tính chất phức tạp, có các công trình kiến trúc được xây dựng trên phần đất có tranh chấp; liên quan đến việc quản lý đất đai của cấp có thẩm quyền...

1.2.2. Án hôn nhân và gia đình

Số án phải giải quyết: 109 vụ (tăng 23 vụ so với năm 2015), trong đó: Ly hôn 106 vụ, chiếm 97,2%; Yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn 1 vụ, chiếm 0,91%; tranh chấp về tài sản chung sau ly hôn 2 vụ, chiếm 1,83%. Đã giải quyết: 95 vụ, chiếm 87%. Số vụ, việc chưa giải quyết xong: 14 vụ, đang trong thời hạn giải quyết.

Nguyên nhân dẫn đến ly hôn chủ yếu là do bất đồng quan điểm về các vấn đề trong cuộc sống, gia đình; có biểu hiện của bạo lực gia đình; vi phạm nghĩa vụ vợ chồng... mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, tình trạng quan hệ vợ chồng ngày càng căng thẳng dẫn đến ly hôn (tỷ lệ nguyên đơn là phụ nữ 65/109 vụ, chiếm 59,6%). Về độ tuổi, từ 40 trở xuống chiếm 87,5% số án đã thụ lý. Nhìn chung, án hôn nhân và gia đình không có biến động lớn.

1.2.3. Án lao động

Số án phải giải quyết: 3 vụ (đều tranh chấp về nợ tiền bảo hiểm xã hội của người sử dụng lao động; giảm 1 vụ so với năm 2015). Đã giải quyết xong 3 vụ (đình chỉ do nguyên đơn rút đơn khởi kiện), tỷ lệ giải quyết xong là 100%.

1.2.4. Việc dân sự

Số việc phải giải quyết: 3, đã giải quyết 3 việc, đạt tỷ lệ 100%.

1.3. Án hành chính

Số án phải giải quyết: 1 vụ (về yêu cầu huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giảm 2 vụ so với năm 2015). Đã giải quyết xong 1 vụ (đình chỉ, do người khởi kiện rút đơn khởi kiện), đạt tỷ lệ 100%.

Việc giải quyết, xét xử các loại án đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền, khách quan, đúng quy định của pháp luật; không có vụ việc để quá hạn luật định. Tích cực hòa giải, đối thoại trong án dân sự, hành chính để các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án hay nguyên đơn rút đơn khởi kiện (chiếm 79,8% số vụ án dân sự, hành chính đã giải quyết xong). Việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

2. Công tác thi hành án hình sự

- Số trường hợp bị kết án phải đưa ra thi hành án hình sự: 43 (giảm 27 trường hợp so với năm 2015). Đã đưa ra thi hành 43 trường hợp, đạt tỷ lệ 100%.

- Cấp Giấy chứng nhận xóa án tích: 14 trường hợp.

Công tác Thi hành án hình sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương trong việc thông báo, theo dõi về án phạt tù.

3. Các mặt công tác khác

3.1. Công tác giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo

Tổng số đơn đã tiếp nhận: 1 kiến nghị (có nội dung tố cáo nhưng không liên quan đến cán bộ, công chức Tòa án, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án). Đã xử lý 1.

3.2. Công tác Hội thẩm

Tổ chức, tạo điều kiện thuận lợi để Hội thẩm nhân dân Huyện tham gia tập huấn nghiệp vụ, rút kinh nghiệm xét xử tại TAND Tỉnh (3 đợt) và tham gia xét xử tại Tòa án; được Tòa án cung cấp một số tài liệu, văn bản pháp luật; được đảm bảo các chế độ theo quy định. Việc phân công Hội thẩm tham gia xét xử hợp lý. Các vị Hội thẩm nhân dân tích cực nghiên cứu hồ sơ, tham gia xét xử có chất lượng, đúng quy định của pháp luật, không có lỗi chủ quan, phát huy được vai trò, vị trí của mình, hoàn thành tốt nhiệm vụ khi được phân công.

3.3. Công tác xây dựng Ngành (Hệ thống Tòa án)

Đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, thực hiện nghiêm túc Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức ngành Tòa án nhân dân, các quy định, quy chế của Hệ thống Tòa án, của Đơn vị, đoàn kết nội bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, Đơn vị vững mạnh.

4. Đánh giá chung

Năm 2016, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh đã thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu giải quyết các loại án. Chất lượng xét xử, giải quyết các loại án giữ được ổn định, đúng quy định của pháp luật, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị trên tất cả các mặt công tác.

5. Một số tồn tại, khó khăn

5.1. Tồn tại:

Công tác xét xử có những hạn chế như vẫn còn thiếu chủ động trong việc cập nhật, trao đổi, nắm tình hình chung trong Hệ thống Tòa án, việc gửi văn bản tố tụng vẫn còn một số trường hợp thiếu kịp thời.

5.2. Khó khăn:

Số lượng cán bộ chuyên môn (03 Thẩm phán, 01 cán bộ văn phòng hành chính tư pháp) chưa tương ứng với số lượng đơn, các loại án phải giải quyết nên hoạt động xét xử, công tác hành chính tư pháp còn gặp khó khăn nhất định, hạn chế đến tiến độ giải quyết vụ việc.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM NĂM 2017

1. Triển khai quán triệt, tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của cấp ủy Đảng các cấp theo chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Đơn vị, nhất là Nghị quyết 03-NQ/TW ngày 02/02/2002, Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị, chương trình trọng tâm công tác tư pháp của Hệ thống Tòa án nhân dân.

2. Thực hiện việc tiếp nhận, xử lý đơn; thụ lý, giải quyết án, thi hành án hình sự kịp thời, đúng quy định của pháp luật, đảm bảo chỉ tiêu Ngành, Giữ vững ổn định và nâng cao chất lượng xét xử, giải quyết án. Khắc phục những tồn tại, khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị.

3. Tăng cường phối hợp với các cơ quan tiến hành tố tụng Công an, Viện Kiểm sát; với chính quyền địa phương, cơ quan, ban, ngành có liên quan trong việc giải quyết, xét xử các loại án, nhất là đối với các vụ án trọng điểm, các vụ án đưa đi xét xử lưu động. Giải quyết kịp thời các vụ án phức tạp, nổi cộm, dư luận xã hội quan tâm, phục vụ đặc lực nhiệm vụ chính trị của địa phương.

III. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị chính quyền địa phương xã, thị trấn tăng cường phối hợp trong việc cung cấp thông tin liên quan; tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án.

Nơi nhận:

- HĐND huyện QN;
- Lưu TAQN.



Nguyễn Mậu Đào

PHỤ LỤC
THÔNG KÊ SỐ LIỆU THỦ LÝ GIẢI QUYẾT VỤ VIỆC NĂM 2016
(Từ 01-12-2015 đến 30-11-2016)

1. Án hình sự

Số án phải giải quyết (vụ/bị cáo)		Số án đã giải quyết (vụ/bị cáo)										Số án còn lại (vụ/bị cáo)						
Số thụ lý mới	Số cũ chuyển sang	Trả hồ sơ cho Viện kiểm sát		Xét xử						Tổng số								
		VKS chấp nhận	VKS không chấp nhận	Bị cáo có kháng cáo, kết quả xét xử phúc thẩm		Đình chỉ xét xử phúc thẩm		Chưa có kết quả xét xử	Cộng									
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	Sửa án sơ thẩm		Hủy án sơ thẩm	Do lỗi chủ quan	Do khách quan	Do lỗi chủ quan	Do khách quan	Đình chỉ xét xử phúc thẩm	Chưa có kết quả xét xử	Cộng	(17)
19/22	0	19/22	0	0	0	13/16	0	0	0	0	1	0	0	1	1	0	16/19	3/3

Cột (3) = tổng cột (1) cột (2) và bằng tổng cột (16) cột (17); Cột (16) = tổng các cột (6), (7), (15); Cột (15) = tổng các cột (8), (9), (10), (11), (12), (13), (14).

2. Án dân sự

Số án phải giải quyết (vụ)		Số án đã giải quyết (vụ)										Số án còn lại (vụ)							
Số thụ lý mới	Số cũ chuyển sang	Giải quyết sơ thẩm		Án, Quyết định hiệu lực; có kháng cáo, kháng nghị						Tổng số									
		Chuyên vụ án	Xét xử	Án, Quyết định hiệu lực		Giữ nguyên án sơ thẩm		Hủy án sơ thẩm			Đình chỉ xét xử phúc thẩm		Chưa có kết quả xét xử	Cộng					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)		(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
9	4	13	0	2	2	3	3	10	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3

Cột (3) = tổng cột (1) cột (2) và bằng tổng cột (9) cột (19); Cột (9) = tổng các cột (4), (5), (6), (7), (8) và bằng tổng cột (10) cột (18); Cột (18) = tổng các cột từ (11) đến (17).

3. Ân hôn nhân và gia đình

Số án phải giải quyết (vụ)		Số án đã giải quyết (vụ)										Số án còn lại (vụ)						
		Giải quyết sơ thẩm																
		Án, Quyết định hiệu lực; có kháng cáo, kháng nghị																
		Án có kháng cáo, kháng nghị, kết quả phúc thẩm																
Số thụ lý mới	Số cũ chuyển sang	Tổng số	Chuyên vụ án	Xét xử	Công nhận TTLH	Đình chỉ	Tạm đình chỉ	Tổng số	Án, QĐ có hiệu lực	Giữ nguyên án sơ thẩm		Đình chỉ xét xử phúc thẩm		Chưa có kết quả xét xử	Cộng			
										Sửa án sơ thẩm	Hủy án sơ thẩm	Do lỗi chủ quan	Do lỗi chủ quan					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
93	16	109	0	13	58	20	4	95	95	0	0	0	0	0	0	0	0	14

Cột (3) = tổng cột (1) cột (2) và bảng tổng cột (9) cột (19); Cột (9) = tổng các cột (4), (5), (6), (7), (8) và bảng tổng cột (10) cột (18); Cột (18) = tổng các cột từ (11) đến (17).

4. Ân kinh doanh, thương mại

Số án phải giải quyết (vụ)		Số án đã giải quyết (vụ)																	Số án còn lại (vụ)
		Giải quyết sơ thẩm																	
		Án, Quyết định hiệu lực; có kháng cáo, kháng nghị																	
		Án có kháng cáo, kháng nghị, kết quả phúc thẩm																	
Số thụ lý mới	Số cũ chuyển sang	Tổng số	Chuyên vụ án	Xét xử	Công nhận STTC CDS	Đình chỉ	Tạm đình chỉ	Tổng số	Án, QĐ có hiệu lực	Giữ nguyên án sơ thẩm		Sửa án sơ thẩm		Hủy án sơ thẩm		Đình chỉ xét xử phúc thẩm		Chưa có kết quả xét xử	Cộng
										Do lỗi chủ quan	Do khách quan	Do lỗi chủ quan	Do lỗi chủ quan	Do khách quan	Do khách quan	Đình chỉ xét xử phúc thẩm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(19)
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Cột (3) = tổng cột (1) cột (2) và bảng tổng cột (9) cột (19); Cột (9) = tổng các cột (4), (5), (6), (7), (8) và bảng tổng cột (10) cột (18); Cột (18) = tổng các cột từ (11) đến (17).

5. Ân lao động

Số án phải giải quyết (vụ)		Số án đã giải quyết (vụ)																	Số án còn lại (vụ)
		Giải quyết sơ thẩm																	
		Án, Quyết định hiệu lực; có kháng cáo, kháng nghị																	
		Án có kháng cáo, kháng nghị, kết quả phúc thẩm																	
Số thụ lý mới	Số cũ chuyển sang	Tổng số	Chuyên vụ án	Xét xử	Công nhận STTC CDS	Đình chỉ	Tạm đình chỉ	Tổng số	Án, QĐ có hiệu lực	Giữ nguyên án sơ thẩm		Sửa án sơ thẩm		Hủy án sơ thẩm		Đình chỉ xét xử phúc thẩm		Chưa có kết quả xét xử	Cộng
										Do lỗi chủ quan	Do khách quan	Do lỗi chủ quan	Do lỗi chủ quan	Do khách quan	Do khách quan	Đình chỉ xét xử phúc thẩm			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(19)
		3	0	0	0	3	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Cột (3) = tổng cột (1) cột (2) và bảng tổng cột (9) cột (19); Cột (9) = tổng các cột (4), (5), (6), (7), (8) và bảng tổng cột (10) cột (18); Cột (18) = tổng các cột từ (11) đến (17).

6. Việc dân sự

Số việc phải giải quyết		Giải quyết sơ thẩm						Số việc đã giải quyết						Số việc còn lại				
		Quyết định sơ thẩm						Quyết định hiệu lực; có kháng cáo, kháng nghị										
Số thụ lý mới	Số cũ chuyển sang	Tổng số	Chuyển cho TA có thẩm quyền	QĐ định chấp nhận	QĐ không chấp nhận	ĐC	Tạm đình chỉ	Tổng số	QĐ có hiệu lực	Quyết định có kháng cáo, kháng nghị, kết quả phúc thẩm			Cộng					
										Giữ nguyên QĐ sơ thẩm	Sửa QĐ sơ thẩm	Hủy QĐ sơ thẩm		Đình chỉ xét xử phúc thẩm	Chưa có kết quả xét xử			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
3	0	3	0	2	0	1	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Cột (3) = tổng cột (1) cột (2) và bằng tổng cột (9) cột (19); Cột (9) = tổng các cột (4), (5), (6), (7), (8) và bằng tổng cột (10) cột (18); Cột Cột (18) = tổng các cột từ (11) đến (17).

7. Ân hành chính

Số án phải giải quyết (vụ)		Số án đã giải quyết (vụ)										Số án còn lại (vụ)						
		Giải quyết sơ thẩm																
Số thụ lý mới	Số cũ chuyển sang	Tổng số	Chuyển vụ án	Xét xử	Công nhận STTC CBS	Đình chỉ	Tạm đình chỉ	Tổng số	Án, QĐ có hiệu lực		Án, Quyết định hiệu lực; có kháng cáo, kháng nghị							
									Giữ nguyên án sơ thẩm	Sửa án sơ thẩm	Án có kháng cáo, kháng nghị, kết quả phúc thẩm	Sửa án sơ thẩm	Hủy án sơ thẩm	Do	Do	Do	Đình chỉ xét xử phúc thẩm	Chưa có kết quả xét xử
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
0	0	1	0	0	0	1	0	1	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Cột (3) = tổng cột (1) cột (2) và bằng tổng cột (9) cột (19); Cột (9) = tổng các cột (4), (5), (6), (7), (8) và bằng tổng cột (10) cột (18); Cột Cột (18) = tổng các cột từ (11) đến (17).

8. Việc khác (xét miễn, giám nghĩa vụ thi hành án dân sự khoản thu nộp ngân sách Nhà nước về tiền phạt, án phí, tịch thu)

Số việc phải giải quyết		Số việc đã giải quyết										Số việc còn lại						
		Giải quyết sơ thẩm																
Số thụ lý mới	Số cũ chuyển sang	Tổng số	Chuyển cho TA có thẩm quyền	QĐ định chấp nhận	QĐ không chấp nhận	ĐC	Tạm đình chỉ	Tổng số	QĐ có hiệu lực	Quyết định hiệu lực; có kháng cáo, kháng nghị				Cộng				
										Giữ nguyên QĐ sơ thẩm	Sửa QĐ sơ thẩm	Hủy QĐ sơ thẩm	Do		Do	Do	Đình chỉ xét xử phúc thẩm	Chưa có kết quả xét xử
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
3	0	3	0	2	0	1	0	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Cột (3) = tổng cột (1) cột (2) và bằng tổng cột (9) cột (19); Cột (9) = tổng các cột (4), (5), (6), (7), (8) và bằng tổng cột (10) cột (18); Cột Cột (18) = tổng các cột từ (11) đến (17).

9. Thi hành án hình sự

9.1. Đưa bản án hình sự có hiệu lực ra thi hành

Số bị cáo phải đưa ra thi hành	Số bị cáo đã đưa ra thi hành	Ra quyết định THA HS (các loại hình phạt)										Số bị cáo chưa đưa ra thi hành	Số phải đi chấp hành án			Đã đi chấp hành án		Chưa đi thi hành án		
		Phạt tù			Cải tạo không giam giữ	Cộng	Tổng số	Số cũ chuyên sang	Trong kỳ	Tổng	Đang hoãn		Bỏ trốn		Cộng					
		Phạt tù	Đang bị tạm giam khi xét xử	Đang tại ngoại khi xét xử									Cho hưởng án treo	Chưa có QĐ truy nã		Đã có QĐ truy nã				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)		
30	13	43	3	8	10	16	6	40	43	0	0	10	10	10	0	0	0	0		

Cột (3) = tổng cột (1), (2) và bảng tổng cột (10) (11); Cột (9) = tổng các cột từ (5) đến (8); Cột (10) = tổng cột (4) (9); Cột (14) = tổng cột (12) (13) và bảng cột (15) cột (19); Cột (17) = tổng cột (12) (16).

9.2. Xoá án tích

Đương nhiên xoá án tích				Xoá án do Tòa án quyết định			
Tổng số Đơn yêu cầu cấp GCN	Đã cấp GCN XAT	Chưa cấp GCNXAT	Ghi chú	Tổng số Đơn xin xoá án tích	Đã ra QĐ xoá án tích	Không chấp nhận xoá án tích	Ghi chú
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)
14	14	0		0	0	0	

Người lập biểu



Hà Thị Ngọc Anh

CHẤM ẤN




Nguyễn Mậu Đảo